

# NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN TÀI LIỆU GIẢNG DẠY LÍ THUYẾT TIẾNG NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT

*Trương Thị Mai\**

*Cải tiến tài liệu giảng dạy hướng tới việc biên soạn giáo trình chuẩn phục vụ công tác giảng dạy học phần Nhật ngữ học I thuộc chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật là một yêu cầu thực tiễn hiện nay tại Trường Đại học Hà Nội. Thông qua những những kết quả khảo sát, phân tích dựa trên đề cương chi tiết học phần và ý kiến người học, người dạy, bài viết chỉ ra những điểm cần lưu ý giúp cải tiến tài liệu giảng dạy lí thuyết tiếng Nhật phù hợp, hiệu quả hơn.*

**Từ khóa:** Lý thuyết tiếng, Nhật ngữ học, tài liệu giảng dạy, năng lực tiếng Nhật.

*At the Department of Japanese - Hanoi University, improving teaching materials to develop standard textbooks for teaching Japanese Linguistics I, a required subject of the bachelor program in Japanese Studies, is one of the current missions. In this paper, with the results of the survey and analysis based on the subject's syllabus and the opinions of learners and teachers, we propose some appropriate and effective improvements in the teaching materials of Japanese Linguistics subject.*

**Keywords:** Linguistics, Japanese linguistics, teaching materials, Japanese competence.

## Mở đầu

Những nội dung lí thuyết về hệ thống tiếng Nhật là khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngôn ngữ Nhật của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Tại Trường Đại học Hà Nội, khối kiến thức này được triển khai giảng dạy với hai học phần là Nhật Ngữ học I, Nhật ngữ học II. Trong đó, học phần Nhật ngữ học I được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất của tiếng Nhật trên bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp với thời lượng 3 tín chỉ.

Để thực hiện cải tiến tài liệu giảng dạy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề cương chi tiết học phần môn học và khảo sát ý kiến người học, người dạy về tài liệu hiện đang được sử dụng. Bài viết này trình bày những kết quả nghiên cứu nêu trên và chỉ ra những điểm cần lưu ý giúp cải tiến tài liệu giảng dạy được phù hợp, hiệu quả hơn.

## 1. Hướng tiếp cận và phương pháp khảo sát, phân tích

Theo Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản, phát triển tài liệu giảng dạy tiếng Nhật là một quá trình bao gồm nhiều công đoạn và

\* TS., Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội

Email: maitt@hanu.edu.vn

được chia thành 4 bước chính là: phân tích hiện trạng, thiết kế, phát triển, thử nghiệm, sử dụng và đánh giá tài liệu (Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (2008), tr. 17). Trong mỗi bước tiến hành đó, việc đánh giá đều được thực hiện như một khâu quan trọng giúp người thực hiện đưa ra được những kết luận làm định hướng cho các bước tiếp theo. Trước thực tế đổi mới của chương trình đào tạo nói chung và học phần Nhật ngữ học I nói riêng cùng hiện trạng tài liệu giảng dạy lí thuyết tiếng Nhật hiện nay, việc phân tích đánh giá hiện trạng nhằm đưa ra những căn cứ tham khảo cho việc cải tiến giáo trình là cần thiết. Với quan điểm đó, đề đề xuất được những hướng cải tiến cụ thể cho tài liệu giảng dạy, đáp ứng tốt yêu cầu của học phần, hướng tới việc xây dựng giáo trình chuẩn, chúng tôi tiến hành thực hiện những nghiên cứu theo 2 hướng tiếp cận: từ đề cương chi tiết học phần và từ thực tế của hoạt động dạy học. Từ đề cương chi tiết, chúng tôi xem xét, phân tích mục tiêu, nội dung giảng dạy, chuẩn đầu ra, điều kiện tiên quyết... của môn học nhằm đưa ra những đề xuất về nội dung, mức độ khó dễ của ngôn ngữ trình bày tài liệu, về dung lượng văn bản... Từ thực tế dạy học, chúng tôi tiến hành thu thập và phân tích ý kiến nhận xét của người học về tài liệu đang được sử dụng và về phương pháp giảng dạy thông qua phiếu điều tra, ý kiến của người dạy thông qua sổ tay ghi chép. Những kết quả khảo sát thu được là cơ sở để chúng tôi phân tích nhằm đưa ra những điểm cần lưu ý cho việc cải tiến tài liệu giảng dạy.

## **2. Kết quả và bình luận về đề cương chi tiết học phần**

### **2.1. Về nội dung giảng dạy của học phần**

Học phần Nhật ngữ học I được xây dựng với mục tiêu nhằm giúp người học nắm vững những nội dung cơ bản, đặc thù về ngữ âm-âm vị, từ vựng và ngữ pháp tiếng Nhật; giải thích được các vấn đề liên quan đồng thời vận dụng được các kiến thức lí thuyết đã lĩnh hội vào quá trình thực hành giao tiếp và biên phiên dịch. Các nội dung cụ thể của học phần bao gồm:

- Tổng quan về Ngôn ngữ học và Nhật ngữ học;
- Ngữ âm và âm vị học tiếng Nhật: gồm khái niệm như cơ chế phát âm, phương thức cấu âm; các đặc trưng của âm vị tiếng Nhật; âm tiết, phách, hiện tượng vô thanh hóa, các âm vị đặc thù; trọng âm và ngữ điệu;
- Từ vựng học tiếng Nhật: gồm các khái niệm như từ vựng, cấu trúc nghĩa của từ; hệ thống và phân loại từ vựng tiếng Nhật theo nguồn gốc, theo cấu tạo; các phương thức cấu tạo từ; các quan hệ về nghĩa của từ; thành ngữ, biệt ngữ trong tiếng Nhật;
- Ngữ pháp học tiếng Nhật: bao gồm các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu ngữ pháp; sự biến đổi hình thái, các phạm trù ngữ pháp trong tiếng Nhật; từ loại tiếng Nhật; câu và thành phần câu tiếng Nhật.

Như vậy, có thể thấy nội dung giảng dạy của học phần Nhật ngữ học I chủ yếu là các

khái niệm cơ bản, những nội dung nền tảng, tối thiểu cần thiết nhất để người học có thể tiếp cận với lĩnh vực nghiên cứu Nhật ngữ. Do vậy, các nguồn tài liệu là sách, tài liệu về Ngôn ngữ học và Nhật ngữ học ở mức độ Nhập môn; các sách trình bày về ngữ âm - âm vị, từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật theo hướng mô tả là tài liệu tham khảo, trích dẫn phù hợp hơn so với các loại sách hay tài liệu nghiên cứu theo hướng chuyên đề chuyên sâu. Ngoài ra, mỗi khái niệm, nội dung trình bày trong tài liệu giảng dạy cũng chỉ dừng lại ở mức độ dẫn dắt giúp người học hiểu được định nghĩa, tiếp đó là sự phân loại (nếu có) cùng những ví dụ minh họa cụ thể trong tiếng Nhật, để từ đó người học có thể nắm bắt được hệ thống tiếng Nhật một cách khái quát nhất.

Khi bàn về những yêu cầu cần có đối với một tài liệu giảng dạy nhằm mục đích giúp người học thụ đắc một ngôn ngữ, Tomlinson (dẫn theo Seki Masaaki, Hirataka Fumiya (2015), tr. 6) đã chỉ ra 16 yêu cầu và trong đó, liên quan tới nội dung giảng dạy, tác giả nêu: “nội dung giảng dạy phải là nội dung mà người học cảm thấy quan trọng và hữu ích”. Trên quan điểm đó của Tomlinson, chúng tôi cho rằng trong quá trình biên soạn, cải tiến tài liệu giảng dạy lý thuyết tiếng Nhật, cần cân nhắc về mức độ tác động và ảnh hưởng của những trường hợp riêng, đặc biệt trong ngôn ngữ tới nhận thức và sự vận dụng thực tế của người học để quyết định có đưa vào trình bày trong tài liệu hay không. Bởi lẽ điều này có ý nghĩa lớn trong việc khiến người học nhận thức sự cần thiết và hữu ích của

các nội dung học tập. Mặt khác, có những khái niệm, nội dung sâu, rộng hoặc sẽ làm loãng kiến thức, hoặc tạo cảm giác quá tỉ mỉ, chuyên sâu sẽ làm cho nội dung của tài liệu không còn là cơ sở, căn bản như yêu cầu ban đầu. Do đó, người biên soạn, cải tiến tài liệu cần tiến hành phân loại các khái niệm, nội dung học thuật theo từng vấn đề một cách chi tiết về mức độ quan trọng, mức độ cần thiết, mức độ liên quan tới thực tế sử dụng tiếng Nhật của người học để làm cơ sở lựa chọn một cách khoa học, chuẩn xác.

Ví dụ, liên quan tới nội dung về ý nghĩa của từ trong lĩnh vực từ vựng học, ngoài định nghĩa về nghĩa của từ, để giới thiệu cấu trúc nghĩa của từ còn có các khái niệm như nghĩa từ vựng, nghĩa ngữ pháp, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu thái, nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn, nghĩa từ điển, nghĩa lâm thời, nghĩa trung tâm, nghĩa ngoại vi... Có thể các thầy khái niệm nghĩa ngữ pháp, nghĩa từ vựng là những kiến thức cốt lõi, cần phải được trình bày trong tài liệu, còn các khái niệm khác cần được tính toán khi lựa chọn. Việc lựa chọn này cũng phải được xem xét trong sự liên quan tới các yếu tố như dung lượng văn bản học sinh cần tiếp cận của bài học, thời gian phân bổ dành cho nội dung về nghĩa của từ trong tổng thể học phần. Liên quan tới nội dung về từ loại, ngoài việc giới thiệu tên gọi các từ loại phổ biến theo quan niệm của các học giả, sự phân loại cụ thể của mỗi từ loại sẽ được trình bày ở mức độ chi tiết, cụ thể đến đâu, các trường hợp đặc biệt nếu

có sẽ được đề cập hay không, ở mức độ nào cũng là vấn đề cần tính toán cho phù hợp. Ví dụ như về sự phân loại của phó từ, một số phó từ có thể dùng chỉ mức độ song có lúc lại được đề chỉ về số lượng, nắm bắt được sự khác biệt giữa chúng sẽ giúp người học hiểu và dịch văn bản tiếng Nhật chính xác. Như vậy, đây là sự phân loại cấp dưới, rất tỉ mỉ nhưng lại có khả năng được ứng dụng cao trong quá trình vận dụng tiếng Nhật của người học, nên được lựa chọn trình bày trong tài liệu. Trường hợp của các động từ bổ trợ cũng tương tự như vậy. Nắm bắt được những ý nghĩa ngữ pháp động từ bổ trợ biểu đạt sẽ giúp người học hiểu rõ, phân tích và vận dụng để mô tả sự việc, hiện tượng chính xác hơn, tinh tế hơn với những sắc thái ý nghĩa ngữ pháp khác nhau. Do đó, động từ bổ trợ cũng cần được ưu tiên đề cập.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, trước hết, tài liệu cần phải đảm bảo trình bày đầy đủ các mảng vấn đề lớn được nêu trong đề cương chi tiết. Sau đó, các nội dung cụ thể của những vấn đề này cần được xem xét để đảm bảo rằng đó là những khái niệm căn bản, nền tảng, không quá mức chuyên sâu về học thuật; ưu tiên những nội dung mà việc nhận thức được chúng sẽ có ảnh hưởng tích cực tới quá trình vận dụng tiếng Nhật trong giao tiếp, dịch thuật. Do vậy, việc rà soát, cải tiến tài liệu sử dụng hiện nay theo hướng trên đây là công việc cần thiết, cần được thực hiện với tổng thể các bài trong toàn bộ tài liệu giảng dạy hiện nay.

## **2.2. Về độ khó của tiếng Nhật trong tài liệu**

Điều kiện tiên quyết của học phần Nhật ngữ học I là người học đã hoàn thành học phần 61JAP23B2- học phần Thực hành tiếng Nhật, được xây dựng với các nội dung thực hành dựa trên 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật. Để có thể lựa chọn tài liệu phù hợp giúp cải tiến tài liệu, hướng tới biên soạn giáo trình chuẩn cho học phần Nhật ngữ học I, nhóm tác giả quan tâm tới năng lực tiếng Nhật, đặc biệt là năng lực đọc hiểu của người học khi đã hoàn thành học phần tiên quyết này. Theo chương trình đề cương chi tiết, mục tiêu của học phần 61JAP23B2 là giúp người học nhận diện tốt mạch lập luận của văn bản một cách chi tiết, xác định được kết cấu và giải thích được từ vựng trong văn bản đọc với các chủ đề trừu tượng hay về những vấn đề xã hội nói chung. Điều này được cụ thể trong chuẩn đầu ra của học phần 61JAP23B2 ở một số nội dung sau:

- Hiểu và nắm vững các kiến thức ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống giao tiếp bằng văn nói và văn viết ở trình độ B2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Phân biệt hoặc lựa chọn được những cấu trúc, biểu hiện ngữ pháp, tình huống phù hợp trình độ trung cấp. Xác định được những thành kiến, giá trị hoặc những ý định ngầm ẩn trong tài liệu được trình bày.
- Vận dụng các kỹ năng đọc đã được học để điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc

theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc đối với các vấn đề mình quan tâm với độ dài khoảng 1.000-1.500 chữ.

Từ mô tả về chuẩn đầu ra trên đây, có thể thấy rằng, để phù hợp với đối tượng người học là những sinh viên đã hoàn thành học phần 61JAP23B2, tài liệu giảng dạy học phần Nhật ngữ học I phải được trình bày bằng tiếng Nhật ở cấp độ từ trên Bậc 4 tới Bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Điều này đảm bảo nguyên tắc đầu vào của Stephen Krashen (dẫn theo Nishiguchi, 1995), tr. 96), cho rằng thụ đắc ngôn ngữ chỉ xảy ra khi người học tiếp xúc với những thông điệp mà họ hiểu được (comprehensible input), giúp người học phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên, liên tục. Có nghĩa là, khi tài liệu giảng dạy Nhật ngữ học I có mức độ khó về tiếng Nhật là từ trên Bậc 4 tới Bậc 5 thì trong quá trình học tập của mình, người học sẽ vừa tiếp thu được kiến thức về lý thuyết tiếng Nhật trong hệ thống, vừa thông qua việc đọc và nghiên cứu tài liệu cũng như nghe giảng viên trình bày vấn đề, tương tác với bạn học trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để mở rộng thêm vốn từ, củng cố kiến thức ngôn ngữ, từ đó áp dụng trong thực hành, nâng cao năng lực tiếng Nhật của mình, đặc biệt là năng lực đọc hiểu, năng lực trình bày, giải thích vấn đề.

Tuy nhiên, một thực tế là các tài liệu về Nhật ngữ học, dù ở mức độ nhập môn, cơ bản hay chuyên sâu hiện nay của Nhật Bản được xuất bản chủ yếu dành cho đối tượng

là người Nhật từ cấp học đại học trở lên, hiện chưa có tài liệu nào về Nhật ngữ học được biên soạn dành riêng cho đối tượng là người nước ngoài học tiếng Nhật. Mục đích chính của các loại tài liệu đó là để phổ biến kiến thức Nhật ngữ học chứ không nhằm tới việc “nâng cao năng lực tiếng Nhật” cho người học tiếng Nhật. Do đó, có thể nói rằng hiển nhiên các tài liệu này được biên soạn mà không tính toán xem mức độ khó dễ của từ vựng và cấu trúc tiếng Nhật có phù hợp với đối tượng là người nước ngoài hay không. Thông thường, các văn bản với nội dung học thuật như vậy sẽ được xác định là ở mức độ từ Bậc 5 tới Bậc 6 theo chuẩn năng lực ngoại ngữ của Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (JF) ban hành, tương đương mức độ từ Bậc 5 tới Bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Do vậy, khi lựa chọn tài liệu để làm nguồn tham khảo, biên soạn tài liệu giảng dạy cho đối tượng là sinh viên tiếng Nhật sẽ tham dự học phần Nhật ngữ I như trên đây, theo chúng tôi, việc khảo sát sơ bộ về mức độ khó dễ của phần tiếng Nhật trình bày trong các tài liệu của Nhật là rất cần thiết. Có như vậy, người biên soạn tài liệu mới lựa chọn được tài liệu tham khảo, tài liệu trích dẫn phù hợp cũng như có sự điều chỉnh một cách chủ động phần văn bản như thay đổi các cách diễn đạt, cấu trúc lại câu, thay thế từ... để giúp tài liệu giảng dạy có mức độ khó phù hợp với người học, giúp người học có thể tiếp thu tốt nội dung và nhờ đó quá trình thụ đắc tiếng Nhật được thúc đẩy.

### 2.3. Về dung lượng tài liệu

Học phần Nhật ngữ học I được xây dựng với thời lượng 03 tín chỉ lý thuyết, tương đương 45 giờ tín chỉ bao gồm cả giờ dạy học trên lớp và kiểm tra đánh giá. Trên thực tế, học phần được triển khai giảng dạy với 40 tiết dạy học trên lớp và 5 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá bao gồm cả thường xuyên và kết thúc học phần. Dựa trên sự phân bổ thời lượng giảng dạy, tài liệu cần được cải tiến sao cho đảm bảo các nội dung giảng dạy để sử dụng cho 10 buổi học (mỗi buổi ứng với 04 tiết giảng dạy trên lớp và 09 tiết tự học).

Như trên đã trình bày, kết thúc học phần 61JAP23B2, là học phần tiền quyết đối với học phần Nhật ngữ học I, với thời lượng mỗi buổi học là 02 giờ tín chỉ, người học chủ yếu đọc hiểu được văn bản với độ dài khoảng 1.000-1.500 chữ, thời gian 02 giờ tín chỉ này bao gồm cả thời gian người học nghe giảng, thực hành các hoạt động luyện tập xoay quanh nội dung bài học. Vì thế, có thể cho rằng ở giai đoạn kết thúc học phần 61JAP23B2, người học có thể tiếp cận với văn bản có độ dài 1.500 chữ trong khoảng thời gian 01 giờ tín chỉ và như vậy, trong khoảng thời gian tự học là 09 giờ tín chỉ, phần tài liệu mà người học dự kiến có thể đọc để chuẩn bị, tìm tòi và đọc hiểu có thể ở mức từ 10.000-14.000 chữ. Có thể coi

đây là một con số mang tính định lượng để người biên soạn, cải tiến tài liệu giảng dạy tính toán cân nhắc về dung lượng văn bản dự kiến cho mỗi buổi học của học phần.

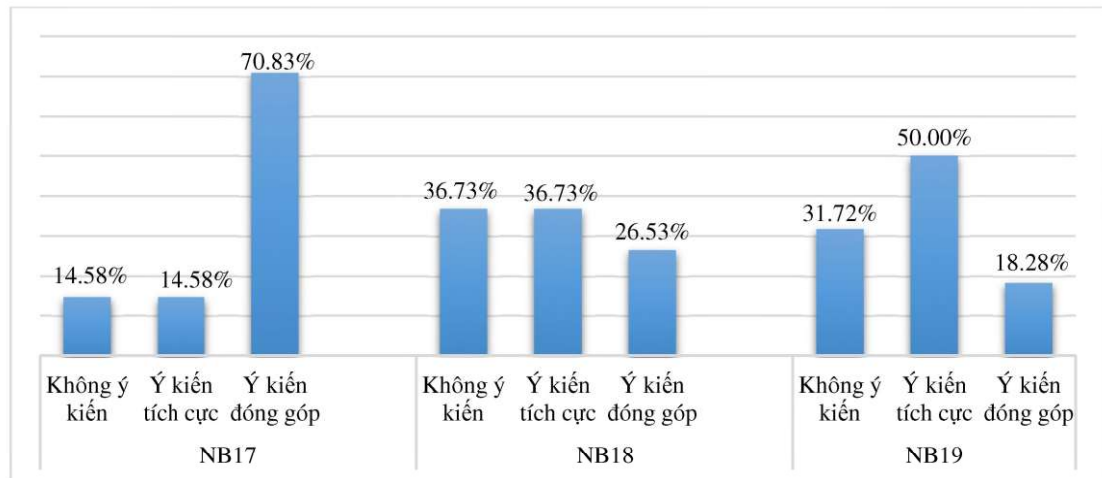
## 3. Kết quả khảo sát

### 3.1. Ý kiến người học

Học phần Nhật ngữ học I được xây dựng trên cơ sở chỉnh sửa, phát triển của học phần Nhập môn Nhật ngữ học đã thực hiện giảng dạy trong các năm học 2019-2020 cho khóa NB2017, năm học 2020-2021 cho khóa NB18, năm học 2021-2022 cho khóa NB2019 theo chương trình đào tạo ngôn ngữ Nhật, ban hành năm 2017, chỉnh sửa năm 2019. Tài liệu được sử dụng để giảng dạy trong các năm học này do Bộ môn Lý thuyết tiếng - Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội (sau đây gọi tắt là Bộ môn) tập hợp và chỉnh sửa từ các nguồn sách nghiên cứu tiếng Nhật theo các phần nội dung liên quan và cung cấp cho sinh viên<sup>1</sup>. Sau mỗi khóa giảng dạy, Bộ môn đã tiến hành các điều tra khảo sát ý kiến người học về học phần, trong đó có bao gồm cả những những ý kiến về tài liệu giảng dạy và nội dung giảng dạy của học phần.

Cụ thể, với khối NB17 Bộ môn đã thu được 48 ý kiến, khối NB18 là 98 ý kiến, khối NB19 là 186 ý kiến phản hồi, với tỉ lệ được thể hiện trong biểu đồ 1 dưới đây:

<sup>1</sup> Tập tài liệu sử dụng nội bộ tại Khoa tiếng Nhật: Nhập môn Nhật ngữ học bao gồm phần lý thuyết được tập hợp từ các nguồn sách và tài liệu tham khảo khác nhau và các phần câu hỏi kiểm tra kiến thức do giảng viên phụ trách môn học biên soạn.



**Biểu đồ 1: Tỷ lệ ý kiến đóng góp của sinh viên đối với tài liệu**

Kết quả cho thấy, số ý kiến đồng tình cho rằng tài liệu giảng dạy tương đối phù hợp, đầy đủ, đã đáp ứng được yêu cầu môn học có tỉ lệ tăng dần theo mỗi khóa đào tạo. Trong khi khóa NB17 chỉ có 14,58% ý kiến đánh giá tích cực thì tới khóa NB19, đã có trên 50% ý kiến đánh giá tích cực với tài liệu giảng dạy. Mặt khác, các ý kiến đóng góp xây dựng của sinh viên để cho giáo trình tốt hơn cũng giảm đáng kể, từ mức 70,8% ở khóa NB17 xuống chỉ còn 18,3% ở khóa NB19. Điều này phản ánh việc tài liệu giảng dạy đã được cải thiện hơn, ngày một đáp ứng yêu cầu của người học dù còn có những điểm chưa được khắc phục hoàn toàn. Có thể nói đó là kết quả của việc tích cực tiếp thu ý kiến người học và nỗ lực của giảng viên phụ trách môn học trong quá trình tập hợp, biên soạn tài liệu. Dưới đây là phân tổng hợp các ý kiến mang tính đóng góp, xây dựng của sinh viên các khóa.

Khối NB17 có 26/48 (54,1%) ý kiến đóng góp cho tài liệu giảng dạy, tập trung vào một số vấn đề như sau:

- Tài liệu học tập nên ngắn gọn hơn để dễ học và ôn tập vì nội dung học khá nhiều, nên có nhiều bài tập vận dụng hơn;

- Nên cho thêm ví dụ;

- Mong giáo trình bổ sung thêm bài tập vận dụng;

- Nên có một quyển về thuật ngữ chuyên ngành, vì việc tra lại từ vựng ở nhà thường dễ bị sai nghĩa hoặc tài liệu tham khảo không chính xác.

Khối NB18, có 26/98 (26,5%) ý kiến đóng góp cho tài liệu tập trung vào một số vấn đề như sau:

- Sách dày;

- Cần có quyển bài tập riêng;

- Tài liệu còn có lỗi chính tả, lỗi nhầm lẫn trong đáp án bài tập;

- Cần điều chỉnh về hình thức của tài liệu (kích thước chữ, dẫn dòng, hình ảnh minh họa);

- Điều chỉnh về cách chia các đề mục nội dung để dễ hiểu và dễ ghi nhớ hơn;

- Nên có phần giải thích tiếng Việt, cần cho nhiều phần giải thích tiếng Việt;

- Có chỗ chưa đi sâu vào nội dung chính, đôi khi thông tin bị nhiễu.

Khối NB19, có 34/186 (18,2%) ý kiến đóng góp cho tài liệu, tập trung vào một số vấn đề như sau:

- Tài liệu khá dài, mỗi mục lại có quá nhiều ý nhỏ nên tìm hơi khó, lập bảng hoặc sơ đồ các loại sẽ dễ nắm bắt hơn;

- Mong có kèm thêm phần từ mới, giải thích thuật ngữ vì phần này hầu như là các từ chuyên ngành, rất khó để dịch chính xác;

- Giáo trình nên viết ngắn gọn, nhiều nội dung, có những nội dung còn dài, mong có thể được lược bớt;

- Còn các lỗi sai chính tả;

- Chữ hơi nhỏ, cần furigana (phiên âm cách đọc) của nhiều từ hơn.

Tuy có số lượng ít nhưng những ý kiến phản hồi trên đây là những căn cứ thực tế rất đáng lưu tâm để xác định rõ thêm yêu cầu mà tài liệu giảng dạy cần hướng tới. Trước tiên là những yêu cầu về sự ngắn gọn, súc tích trong trình bày các vấn đề; sự rõ ràng, có điểm nhấn trong việc phân chia các nội dung. Trong tài liệu đang sử dụng, các nội dung giảng dạy được trình bày thành 4 phần, bao gồm: Phần 1: Các vấn đề khái quát chung; Phần 2: Ngữ âm- Âm vị; Phần 3: Từ vựng; Phần 4: Ngữ pháp. Mỗi

phần được trình bày theo kiểu đề mục từ lớn tới nhỏ, vì thế số đề mục nhiều. Tiếp thu các ý kiến về thứ tự trình bày chương mục, người biên soạn có thể tính toán để trình bày các nội dung thành từng bài ứng với đơn vị là các buổi học (4 giờ tín chỉ), để người học tiện theo dõi và gói gọn kiến thức.

Bên cạnh đó, tài liệu cần đáp ứng tốt hơn yêu cầu về độ chính xác, không để các lỗi sai sót về chính tả, chữ Hán, có đáp án cho câu hỏi luyện tập, thân thiện với người học qua cách trình bày bằng sơ đồ, bảng biểu, hỗ trợ cách đọc, giải thích nghĩa từ (có thể thông qua danh sách thuật ngữ). Một ý kiến cần đặc biệt lưu ý là cần bổ sung danh sách thuật ngữ có giải thích tiếng Việt được sinh viên tất cả các khóa đề xuất, cho thấy việc cung cấp cho sinh viên phương án dịch chính xác các thuật ngữ là nhiệm vụ cần thiết của việc cải tiến tài liệu.

Trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Nhật, có nhiều thuật ngữ chuyên ngành mà ngay cả đối với sinh viên người bản ngữ việc hiểu đúng, hiểu rõ vẫn đề không phải là chuyện đơn giản. Vì vậy, người nước ngoài học tiếng Nhật như sinh viên Việt Nam khi tham gia học Nhật ngữ học bằng tiếng Nhật thì ngoài năng lực tiếng Nhật đủ để đáp ứng yêu cầu đọc hiểu, nghe hiểu, cần phải có kiến thức nền về ngôn ngữ học nói chung mới dễ dàng tiếp cận.

Một số sinh viên cho rằng mặc dù đã hoàn thành học phần Dẫn luận ngôn ngữ<sup>2</sup> nhưng còn nhiều khái niệm chưa thực sự hiểu rõ nên khi bước vào học phần Nhật ngữ học I, các em cảm thấy khó vì phải tiếp cận bằng tiếng Nhật. Như vậy, trong tài liệu giảng dạy học phần này, cần có một phần dành để hỗ trợ cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng của nghiên cứu ngôn ngữ nói chung. Tuy nhiên, hỗ trợ theo cách nào, bằng cách cung cấp danh mục từ, cho làm bài tập về thuật ngữ có đáp án hay cung cấp đường dẫn tra cứu... là những phương án mà những người biên soạn, cải tiến tài liệu cần tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn để giúp bộ tài liệu giảng dạy hoàn thiện hơn.

Liên quan tới nội dung của môn học, bên cạnh các ý kiến cho rằng nội dung tài liệu đã phù hợp, đầy đủ, còn có các ý kiến đánh giá nội dung môn học khó, dài, lượng kiến thức nhiều. Cụ thể, 16/48 (33,3%) ý kiến sinh viên khối NB17, 26/98 (27,5%) ý kiến sinh viên khối NB18 và 23/186 (12,3%) ý kiến sinh viên khối NB19 cho rằng nội dung môn học khó, nhiều kiến thức, thuật ngữ nên khó nắm bắt; cần giảm tải; thời lượng số buổi học ít so với khối lượng kiến thức.

Như vậy, mặc dù các nội dung được dẫn trong tài liệu đã được tính toán xem xét để giảm bớt cho phù hợp hơn sau mỗi khóa, song thực tế cho thấy đây là một vấn đề khó đối với công tác biên soạn vì vừa phải đảm bảo những yêu cầu đặt ra về nội dung trong

Đề cương chi tiết học phần, vừa phải phù hợp với trình độ, nguyện vọng số đông người học. Việc lựa chọn nội dung nào tiêu biểu và gắn với thực tế sử dụng tiếng Nhật nhiều nhất, đảm bảo chuẩn đầu ra (chẳng hạn như kỹ năng hiệu chỉnh cách phát âm, kỹ năng phân định từ loại, phân tích câu, phân loại câu, xác định ý nghĩa câu...) là điều cần xem xét một cách kỹ lưỡng.

### ***3.2. Ý kiến của giảng viên phụ trách học phần***

Qua thực tế giảng dạy học phần Nhập môn nhật ngữ học cho 3 khối NB17, NB18, NB19 và quá trình điều chỉnh tài liệu giảng dạy, các giảng viên phụ trách học phần chia sẻ một số điểm sau:

- Khối lượng kiến thức cần truyền tải của học phần khá nhiều, giáo viên không thể tổ chức các hoạt động học tập phong phú (như thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận, hỏi đáp...) cho mọi vấn đề được đề cập trong tài liệu ở trên lớp. Do đó, nội dung của tài liệu cần được trình bày theo hệ thống hợp lý và cùng các ví dụ cụ thể đi kèm để người học dễ dàng nắm bắt khi đọc nghiên cứu tài liệu, tự học ở nhà. Đồng thời, cần có hướng dẫn rõ ràng cho người dạy về việc phân định đâu là những nội dung cơ bản bắt buộc, đâu là những nội dung nên dành để học sinh tự học, tự tham khảo để người dạy có thể linh hoạt trong triển khai hướng dẫn sinh viên học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình chuẩn bị, tìm hiểu, ôn tập.

<sup>2</sup> Là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên ngành ngôn ngữ, mã môn học 61VIP1INL.

- Sinh viên rất hào hứng trong các hoạt động thảo luận, thực hành áp dụng lí thuyết vào thực tế thông qua các bài tập được đưa ra. Vì vậy, trong tài liệu rất cần có hệ thống bài tập thực hành phù hợp với từng nội dung để giúp sinh viên vận dụng lí thuyết vào thực tế sử dụng tiếng Nhật. Các dạng bài tập nhóm trong việc thực hành phát âm theo chỉ dẫn về phương thức cấu âm, bài tập thực hành xác định kiểu câu, phân tích cấu trúc câu áp dụng vào dịch thuật câu tiếng Nhật, bài tập vẽ sơ đồ tư duy về phân loại từ loại, bài tập so sánh phân tích sự giống và khác nhau trong ý nghĩa của các động từ bổ trợ, các dạng thức khác nhau của câu... là những dạng bài tập được người học rất tích cực tham gia, hào hứng suy nghĩ, trao đổi.

- Tham gia học phần với nội dung về lí thuyết tiếng Nhật, sinh viên được tiếp xúc với nhiều thuật ngữ song thường không tra cứu được chính xác dù có thể tận dụng nhiều nguồn trên internet vốn đã trở nên rất tiện lợi và đa dạng. Mặc dù trên lớp giảng viên có cung cấp thuật ngữ nhưng sinh viên thường không nắm bắt được kịp thời, có nắm bắt, ghi chép thì cũng chưa được đầy đủ. Do đó, cần có một phần tài liệu giúp hỗ trợ sinh viên trong việc nắm bắt các thuật ngữ.

#### 4. Kết luận

Trên đây là một số kết quả khảo sát và phân tích Đề cương chi tiết học phần Nhật ngữ học I cùng những thực tế dạy học lí thuyết tiếng Nhật mà chúng tôi đã thực hiện trong thời gian qua. Những kết quả khảo sát, phân tích này đã giúp làm sáng rõ một số

vấn đề cần lưu ý quan trọng trong việc cải tiến tài liệu giảng dạy hiện tại, hướng tới biên soạn giáo trình chuẩn như sau:

Thứ nhất, cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung cơ bản được nêu trong đề cương chi tiết; với mỗi nội dung cần rõ ràng định nghĩa, sự phân loại (nếu có) cùng những ví dụ cụ thể; cần nhắc về mức độ tác động và ảnh hưởng tới nhận thức và sự vận dụng tiếng Nhật trong thực tế của người học để trình bày các trường hợp riêng, đặc thù. Thứ hai, cần đảm bảo chính xác, khoa học cả về nội dung chuyên môn và hình thức. Các đề mục nội dung phải được trình bày logic, dễ dàng nắm bắt, có tính hệ thống, phù hợp với thời lượng các buổi học thực tế. Thứ ba, cần đảm bảo mức độ tiếng Nhật trình bày trong tài liệu phù hợp với trình độ người học, ở mức tương đương từ 4 tới 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Thứ tư, cần đảm bảo sự đồng bộ của tài liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc chuẩn bị, đọc nghiên cứu và ôn tập, áp dụng lí thuyết vào thực tiễn; cho người dạy chủ động trong việc giảng dạy và hướng dẫn sinh viên học tập. Đa dạng hóa loại hình câu hỏi gợi mở vấn đề, các dạng bài tập nhằm kiểm tra kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn thực hành tiếng Nhật, ghi nhớ thuật ngữ.

Cuối cùng, cần đảm bảo về mặt hình thức trình bày của tài liệu: các chương mục dễ theo dõi, trình bày dễ nhìn, dễ đọc, có sơ đồ minh họa.

Hi vọng rằng, với những định hướng trên đây, trong thời gian tới tài liệu giảng dạy lí thuyết tiếng Nhật của học phần Nhật

ngữ học I sẽ sớm được cải tiến, hoàn thiện hơn để phục vụ công tác giảng dạy hiệu quả, nâng cao chất lượng đào tạo của ngành ngôn ngữ Nhật nói riêng và của Trường Đại học Hà Nội nói chung.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Hà Nội (2017). Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật.
2. Trường Đại học Hà Nội (2019). Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật (chỉnh sửa).
3. Trường Đại học Hà Nội (2022). Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật.
4. Trương Thị Mai (2020). *Nhập môn Nhật ngữ học*. Tài liệu giảng dạy nội bộ Khoa tiếng Nhật, Trường Đại học Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). Thông tư ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014.
6. 国際交流基金 (2008) 「日本語教授法シリーズ 第14巻 教材開発」 ひつじ書房 (Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (2008)

*Bộ sách về phương pháp giảng dạy tiếng Nhật Quyển 14 Phát triển tài liệu giảng dạy*. NXB Hitsuji)

7. JF 日本語教育スタンダード 【新版】利用者のためのガイドブック  
<https://jfstandard.jp/publicdata/ja/render.do>  
(Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản. Chuẩn giáo dục tiếng Nhật (Bản mới). Sách hướng dẫn cho người sử dụng.)

8. 西口光一著 (1995) 『日本語教師トレーニングマニュアル 4 日本語教授法を理解する本 歴史と理論編』 バベル・プレス (Nishiguchi Kouichi (1995). *Sổ tay huấn luyện giáo viên tiếng Nhật 4- Bộ sách giúp hiểu về các phương pháp giảng dạy tiếng Nhật: Phần lịch sử và lý luận*. NXB Baberu Press.)

9. 関正昭, 平高史也 編著 (2015) 日本語教育叢書「つくる 教科書を作る」スリーエーネットワーク (Seki Masaaki, Hirataka Fumiya (2015). *Bộ sách về Xây dựng giáo trình- Quyển: Xây dựng sách giáo khoa*. NXB 3anetwork.)

(Ngày nhận bài: 03/11/2023; ngày duyệt đăng: 27/12/2023)